

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 305/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2019/NĐ-CP
ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định về tố cáo
và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 136/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu trong Ban Cơ yếu Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (viết gọn là: Người làm việc trong tổ chức cơ yếu), công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân; bảo vệ người tố cáo, người được bảo vệ; quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

“1. Quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng, công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền tố cáo.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2

“2. Quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bị tố cáo có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến quốc phòng.”.

Điều 3. Bổ sung các khoản 1a, 1b vào sau khoản 1 Điều 3

“1a. Công chức quốc phòng là công dân Việt Nam có trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, được tuyển chọn, tuyển dụng vào vị trí việc làm trong cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng.

1b. Lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng là người lao động làm các công việc chuyên môn, kỹ thuật, dịch vụ, phục vụ trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc Bộ Quốc phòng mà không phải là quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân, viên chức quốc phòng.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

“1. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng do người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng giải quyết.”.

2. Sửa đổi, bổ sung tên khoản 3 và một số điểm của khoản 3

a) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 3

“3. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng xảy ra trong thời gian công tác trước đây nay đã chuyển sang cơ quan, đơn vị khác hoặc không còn là quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng được xử lý như sau:”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3

“d) Trường hợp người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ xảy ra trong thời gian công tác trước đây và người đó thuộc quyền quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng bị tố cáo tại thời điểm có hành vi vi phạm pháp luật chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan phối hợp giải quyết.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3

“đ) Trường hợp người bị tố cáo không còn là quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng thì do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý người bị tố cáo tại thời điểm có hành vi vi phạm pháp luật chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp giải quyết.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4

“4. Tố cáo quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng của cơ quan, đơn vị đã hợp nhất, sáp nhập, chia, tách do người đứng đầu cơ quan, đơn vị sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách mà người bị tố cáo đang công tác chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp giải quyết.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5

“5. Tố cáo quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng của cơ quan, đơn vị đã bị giải thể do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý cơ quan, đơn vị trước khi bị giải thể giải quyết.”.

5. Bổ sung các khoản 7, 8, 9 vào sau khoản 6

“7. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của nhiều quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng, trong đó có ít nhất 01 người là chỉ huy về cùng một nội dung tố cáo được xử lý như sau:

a) Trường hợp những người bị tố cáo cùng cơ quan, đơn vị thì do người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp của người chỉ huy bị tố cáo giải quyết;

b) Trường hợp những người bị tố cáo không cùng cơ quan, đơn vị thì do người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp của người chỉ huy bị tố cáo chủ trì, giải quyết; người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý người bị tố cáo khác phối hợp giải quyết;

c) Trường hợp những người bị tố cáo có từ 02 người trở lên là chỉ huy cơ quan, đơn vị khác nhau thuộc một cơ quan, đơn vị là cấp dưới trực tiếp của Bộ Quốc phòng thì do người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp của Bộ Quốc phòng giải quyết hoặc xác định thẩm quyền giải quyết.

8. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của nhiều quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng trực thuộc nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau được xử lý như sau:

a) Trường hợp cơ quan, đơn vị của những người bị tố cáo đều trực thuộc một cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý thì do người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị cấp trên đó giải quyết;

b) Trường hợp những người bị tố cáo trực thuộc nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau thì do người đứng đầu về hành chính quân sự cấp trên trực tiếp của các cơ quan, đơn vị nơi những người bị tố cáo đang công tác chủ trì giải quyết; người đứng đầu về hành chính quân sự của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý những người bị tố cáo phối hợp giải quyết;

Trường hợp không xác định được cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp của các cơ quan, đơn vị nơi những người bị tố cáo đang công tác, thì người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý một trong những người bị tố cáo nhận được đơn tố cáo chủ trì giải quyết; người đứng đầu về hành chính quân sự của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý người bị tố cáo khác phối hợp giải quyết.

9. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng tại thời điểm có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của mình mà không thuộc các trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

“1. Trung đoàn trưởng; Lữ đoàn trưởng; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, đặc khu; Đồn trưởng Đồn Biên phòng và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng do mình quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a và tên khoản 2

“2. Cục trưởng, Sư đoàn trưởng, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và cấp tương đương có thẩm quyền sau đây:

a) Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy, quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng của cơ quan, đơn vị cấp dưới do mình quản lý trực tiếp;”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3

“3. Giám đốc học viện, Hiệu trưởng nhà trường, Viện trưởng Viện nghiên cứu, Giám đốc bệnh viện và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị, quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ do mình quản lý.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5

“a) Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc và quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp;”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7

“2. Tiếp nhận, xử lý đơn vừa có nội dung tố cáo, vừa có nội dung khiếu nại thực hiện theo khoản 3 Điều 25 Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 136/2025/QH15.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9

“Điều 9. Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ

Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng trong việc

thực hiện nhiệm vụ, công vụ được thực hiện theo quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31, khoản 1 Điều 32, các Điều 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40 của Luật Tố cáo và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14

“4. Cơ quan, đơn vị quản lý quân nhân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bảo vệ vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 17

1. Sửa đổi, bổ sung tên khoản 2

“2. Chánh Thanh tra Quân khu, Chánh Thanh tra Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có trách nhiệm:”.

2. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3

“4. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc hoặc giao cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc giao cơ quan, đơn vị tham mưu về công tác quản lý và giải quyết tố cáo theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

Cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc cơ quan, đơn vị tham mưu về công tác quản lý và giải quyết tố cáo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo, định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.”.

Điều 10. Bãi bỏ cụm từ “năm 2018” tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 7, Điều 9, Điều 11, khoản 1, 2 Điều 13, Điều 15 và khoản 1 Điều 17.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 9 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với vụ việc tố cáo đã có quyết định thụ lý, đang xem xét, giải quyết và chưa có kết luận nội dung tố cáo trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục giải quyết theo Nghị định số 28/2019/NĐ-CP.

2. Đối với hành vi vi phạm pháp luật thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nhưng vụ việc sau đó mới bị phát hiện và bị tố cáo thì áp dụng quy định giải quyết tố cáo theo Luật Tố cáo và Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, V.I (3b). VHQ. 45

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Tiến Châu